

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

-----o0o-----

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

NGÀY 26 THÁNG 04 NĂM 2022





QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

- Căn cứ Luật doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ Công ty đã được Đại Hội đồng cổ đông thông qua ngày 27/04/2021;
- Căn cứ việc Đại hội đồng cổ đông ngày 26/04/2022 đã thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát,

Ban Kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Nhựa Bình Minh như sau:

CHƯƠNG 1: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Mục đích và phạm vi áp dụng

- 1.1 Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Nhựa Bình Minh quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, chế độ làm việc và các mối quan hệ cộng tác của Ban kiểm soát nhằm thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Nhựa Bình Minh phù hợp với Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan của pháp luật.
- 1.2 Mọi hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát đều phải tuân thủ các quy định trong Điều lệ Công ty và Quy chế này.
- 1.3 Các thuật ngữ được sử dụng trong Quy chế này cũng có nghĩa như được định nghĩa trong Điều lệ Công ty.

Điều 2: Tổ chức và nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

- 2.1 Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm ba (03) kiểm soát viên. Nhiệm kỳ của kiểm soát viên tối đa là năm (05) năm.
- 2.2 Điều kiện và tiêu chuẩn của kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ Công ty.
- 2.3 Các thành viên Ban kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng Ban kiểm soát.
- 2.4 Các thành viên Ban kiểm soát được phân công phụ trách theo mảng công việc, chịu trách nhiệm về mảng công việc và kết quả thực hiện công việc của mình.

CHƯƠNG 2: NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 3: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 và 171 Luật Doanh nghiệp và Điều 37 Điều lệ Công ty, văn bản Pháp luật, chủ yếu là quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- 3.1 Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
- 3.2 Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- 3.3 Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm, trình độ chuyên môn phù hợp vào Công ty nếu cần thiết;
- 3.4 Kiểm tra báo cáo tài chính hàng năm, hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
- 3.5 Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- 3.6 Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của cán bộ quản lý, điều hành Công ty;
- 3.7 Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
- 3.8 Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi quản lý, điều hành Công ty;
- 3.9 Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm;
- 3.10 Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường;
- 3.11 Có thể tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị;
- 3.12 Các quyền và nhiệm vụ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế này và quy định của Pháp luật.

Điều 4: Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát

Trưởng Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- 4.1 Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Điều lệ Công ty và Pháp luật;
- 4.2 Trên cơ sở sự tán thành của đa số các thành viên Ban kiểm soát, đề nghị Hội đồng quản trị họp phiên bất thường để xử lý những trường hợp vi phạm quy định tại Điều lệ Công ty và Pháp luật;
- 4.3 Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban kiểm soát trên cơ sở xem xét các vấn đề và mối quan tâm của các thành viên Ban kiểm soát liên quan đến các vấn đề quy định tại Điều 3 của quy chế này;
- 4.4 Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát;
- 4.5 Chủ trì xây dựng quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
- 4.6 Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Ban kiểm soát theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát;
- 4.7 Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- 4.8 Ủy quyền cho một trong số các thành viên Ban kiểm soát đảm nhiệm công việc của Trưởng ban trong thời gian vắng mặt;
- 4.9 Có các quyền và nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế này và Pháp luật.

Điều 5: Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- 5.1 Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban kiểm soát theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này một cách trung thực, thận trọng vì lợi ích của Công ty và cổ đông;
- 5.2 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát;
- 5.3 Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập họp Ban kiểm soát bất thường;
- 5.4 Kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo tài chính và các hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới nhiệm vụ của mình;
- 5.5 Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của Công ty cung cấp số liệu và giải thích về các hoạt động để thực hiện nhiệm vụ được phân công;
- 5.6 Tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề quy định tại Điều 3 của Quy chế này, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích;
- 5.7 Được sử dụng hệ thống trang thiết bị kỹ thuật sẵn có của Công ty, được Công ty trang bị các công cụ, phương tiện phù hợp để thực hiện các nhiệm vụ của mình.

Trong trường hợp cần thiết, Trưởng Ban kiểm soát đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc quyết định việc huy động các chuyên viên, cán bộ lãnh đạo trong Công ty thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát hoặc sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện nhiệm vụ được giao;

- 5.8 Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về việc xác định tính chính xác và trung thực của các dữ liệu và tài liệu liên quan đến các hoạt động Công ty trong phạm vi công việc được phân công;
- 5.9 Các nhiệm vụ, quyền hạn khác được quy định tại Điều lệ Công ty, quy chế này và quy định của Pháp luật.

Điều 6: Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

- 6.1 Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
- 6.2 Hàng năm, Ban kiểm soát phải đánh giá mức độ hoàn thành công việc của các thành viên trong Ban.
- 6.3 Hệ số chi trả thù lao và thưởng của các thành viên trong Ban như sau:
 - 6.3.1 Hệ số thù lao:
 - Trưởng Ban: 1
 - Thành viên: 0,6
 - 6.3.2 Hệ số thưởng:
 - Hoàn thành xuất sắc: 1,5
 - Hoàn thành: 1
 - Không hoàn thành: 0
- 6.4 Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí ăn, ở, đi lại và các chi phí phát sinh hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.
- 6.5 Tổng số thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà Công ty đã thanh toán, cấp cho từng thành viên Ban kiểm soát được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty.

CHƯƠNG 3: HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 7: Chế độ làm việc của Ban kiểm soát

- 7.1 Ban kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể với chế độ trách nhiệm cá nhân theo mảng công việc được phân công của từng thành viên trong Ban kiểm soát.
- 7.2 Các thành viên Ban kiểm soát căn cứ theo nhiệm vụ được phân công có trách nhiệm thực hiện chương trình hoạt động của Ban kiểm soát. Mỗi thành viên được phân công chuyên trách một lĩnh vực, có trách nhiệm tham mưu và thực hiện báo cáo hoặc có ý kiến với Trưởng Ban kiểm soát đối với lĩnh vực được phân công. Việc phân công chỉ mang tính tương đối, mỗi thành viên Ban kiểm soát không chỉ thực hiện kiểm tra, giám sát lĩnh vực được phân công mà còn thực hiện nhiệm vụ kiểm soát ở các lĩnh vực khác, thuộc nhiệm vụ, chức năng chung của Ban kiểm soát.

Điều 8: Cuộc họp Ban kiểm soát

- 8.1 Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
- 8.2 Ban kiểm soát có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề đột xuất, cấp bách của Công ty. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của một trong các đối tượng sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - b. Ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Trưởng Ban kiểm soát;
 - d. Ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát;
 - e. Tổng Giám đốc.
- 8.3 Trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại khoản 8.2 Điều này, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bất thường.
- 8.4 Các cuộc họp của Ban kiểm soát sẽ được tiến hành ở địa chỉ trụ sở đã đăng ký của Công ty hoặc một địa điểm khác do các thành viên Ban kiểm soát thống nhất. Cuộc họp Ban kiểm soát có thể theo hình thức họp mặt trực tiếp hoặc có thể thông qua các hình thức khác như điện thoại, internet...Việc tham gia các cuộc họp của các thành viên Ban kiểm soát thông qua các phương tiện điện thoại, internet...được coi là đã tham dự và cần ghi lại trong Biên bản họp.

Điều 9: Trình tự tổ chức và tiến hành họp Ban kiểm soát

- 9.1 Tất cả các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường đều phải có nội dung chuẩn bị trước. Trưởng Ban kiểm soát căn cứ mục đích cuộc họp để phân công cho các thành viên Ban kiểm soát chuẩn bị nội dung tài liệu cho cuộc họp.
- 9.2 Trưởng Ban kiểm soát hoặc người được ủy quyền thông báo mời họp tới các thành viên Ban kiểm soát. Trong trường hợp không thể dự họp, thành viên Ban kiểm soát có quyền gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản cho Ban kiểm soát trước khi họp.
- 9.3 Trường hợp cuộc họp của Ban kiểm soát được triệu tập nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập tiếp lần hai trong thời gian không quá hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần 1. Sau hai lần triệu tập họp vẫn không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban kiểm soát phải thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá ba mươi (30) ngày tiếp theo để Đại hội đồng cổ đông xem xét thành phần và tư cách của các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 10: Thông qua quyết định của Ban kiểm soát

- 10.1 Mỗi thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát.
- 10.2 Thành viên Ban kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định thì sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó.
- 10.3 Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận.

Điều 11: Biên bản họp của Ban kiểm soát

- 11.1 Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi chép đầy đủ vào Biên bản họp. Biên bản họp Ban kiểm soát phải được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản. Biên bản họp phải được lưu trữ tại văn phòng Công ty. Thư ký cuộc họp do Trưởng Ban kiểm soát chỉ định theo từng phiên họp.
- 11.2 Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi biên bản cuộc họp Ban kiểm soát cho các thành viên Ban kiểm soát và biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của biên bản đó trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi biên bản.

CHƯƠNG 4: CUNG CẤP THÔNG TIN, MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 12: Cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát

- 12.1 Thành viên Ban kiểm soát được nhận các thông tin, tài liệu sau đây vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị:
- Tài liệu do Công ty phát hành trình Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
 - Các nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- 12.2 Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty.

Điều 13: Bảo mật thông tin

- 13.1 Các thành viên Ban kiểm soát xử lý mọi thông tin và tài liệu có được trong phạm vi thẩm quyền là thành viên Ban kiểm soát với sự cẩn trọng cần thiết và bảo mật theo quy định của Công ty và Pháp luật.
- 13.2 Các thành viên Ban kiểm soát không được tiết lộ ra bên ngoài, công bố hoặc bằng cách khác cung cấp cho bên thứ ba các thông tin được xếp loại mật, các văn bản tài liệu của Công ty và các thông tin khác liên quan đến hoạt động Công ty hoặc các thông tin mà Công ty chưa công bố ra bên ngoài.
- 13.3 Các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ bảo mật thông tin theo Điều lệ Công ty, Quy chế này và quy định có liên quan của Pháp luật.

Điều 14: Các mối quan hệ của Ban kiểm soát

14.1 Đại hội đồng cổ đông:

Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông của công ty về các hoạt động giám sát của mình và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo hoạt động của Ban trước Đại hội đồng cổ đông thường niên theo đúng quy định của pháp luật.

14.2 Quan hệ với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc:

- Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty và cổ đông.

- Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm tạo điều kiện cho Ban kiểm soát tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty.
- Ban kiểm soát kiến nghị và đề xuất Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc để kịp thời xử lý, chấn chỉnh những vi phạm, sai sót trong hoạt động kinh doanh, đặc biệt vấn đề về tài chính.
- Trường hợp phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 5: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15: Hiệu lực và sửa đổi, bổ sung

- 15.1 Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua, giao Trưởng ban Kiểm soát ký ban hành.
- 15.2 Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa Quy chế này với Điều lệ Công ty về cùng một vấn đề, thì các quy định của Điều lệ Công ty sẽ được ưu tiên áp dụng.
- 15.3 Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và các bộ phận liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26/04/2022

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



NGUYỄN THANH THUẬN